

Án số:86/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 29/9/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Thúy Kiên;**

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Long;  
Bà Trần Thanh Vân;

+ *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyền- *Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.*

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:* Không tham gia;

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ số 495/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:105/2020/QĐ XXST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966;

+ *Bị đơn:* **Ông Đỗ Mạnh C**, sinh năm 1964;

Cùng ĐKKH: Tổ 02, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên;

Cùng nơi ở: Tổ 05, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên;

(các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:***

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông C kết hôn với nhau vào nhau vào tháng 7 năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và do ông C quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ, không tôn trọng vợ con. Do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng xúc phạm nhau. Ông C còn bị nhiều người đòi nợ và không có khả năng trả, bà L không được ông C bàn bạc trong việc làm kinh tế nên không rõ lý do ông C mắc nợ. Năm 2013 ông C phạm tội *lừa đảo chiếm đoạt tài sản* bị Tòa án xử phạt 01 năm tù, gia đình bà phải bán nhà, đất tại tổ 02 phường Phan Đình Phùng để trả nợ cho ông C, sau đó cả gia đình phải đi ở nhờ tại tổ 05, phường Thịnh Đán cho đến nay. Tháng 7 năm 2014 ông C mãn hạn tù, tuy nhiên, do sự bất đồng quan điểm quá lớn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn sự tôn trọng và quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ảnh hưởng xấu đến mọi mặt trọng cuộc sống. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn ông C để ổn định cuộc sống;

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Duy T, sinh ngày 03/3/1992 và Đỗ Thị Thanh T, sinh ngày 27/9/2000. Cả 02 con đều đã trưởng thành, bà L không có yêu cầu gì.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí*: Bà L đề nghị Tòa án giải quyết án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai, ông Đỗ Mạnh Chiến là bị đơn thừa nhận:***

+ Về thời điểm kết hôn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và con chung như bà L khai nêu trên là đúng thực tế. Ông C xác định ông là người có lỗi trong việc vợ chồng mâu thuẫn, nhưng nay vợ chồng tuổi đã cao, các con đã trưởng thành, do đó ông C không đồng ý ly hôn mà mong muốn bà L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

+ *Về con chung*: Cả 02 người con đã đủ tuổi trưởng thành (ông C không có ý kiến gì);

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí*: Ông C yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật;

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS). Ông C đã có văn bản tự khai về nội dung bà L khởi kiện, có đơn xin vắng mặt không tham gia các thủ tục tố tụng và xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án không tiến hành được thủ tục hòa giải, vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:***

**[1] Về tố tụng**: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn do bà Nguyễn Thị Loan khởi kiện xin ly hôn ông Đỗ Mạnh Chiến. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng trong vụ án.

**[2] Về nội dung**: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông C kết hôn vào tháng 7 năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình (Luật HN&GD), do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp.

Các đương sự đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, ông C thừa nhận ông là người có lỗi chính trong việc gây nên mâu thuẫn vợ chồng.

Nay bà L cương quyết yêu cầu được ly hôn ông C. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn sự gắn kết, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L để giải phóng cho các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật HN&GD;

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống các đương sự có 02 con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành- các đương sự không có yêu cầu gì.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: HĐXX không giải quyết (do các đương sự không yêu cầu- nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác);

+ *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định;

+ *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của BLTTDS;

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các quy định: - Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của BLTTDS;

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/ /2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của BLTTDS;

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Loan.

Cho bà L được ly hôn ông Đỗ Mạnh Chiến;

**2. Về con chung**: Cả 02 người con chung đã trưởng thành- các đương sự không có yêu cầu gì.

**3. Về tài sản chung, nợ chung**: Không giải quyết (do các đương sự không yêu cầu - nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác).

**4. Về án phí**: Thu của bà L 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang - Biên lai thu số 000322 ngày 29/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TN;

- VKSND TPTN;

- THADSTPTN;

- UBND p. Tân Thịnh,

TP Thái Nguyên;

- Đương sự

- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**